

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2020

*V/v: Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Xuân Toàn và Ông Phạm Hồng CH.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST- HNGĐ ngày 26/10/2020 tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H; sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn DP, xã TC, huyện ĐT, tỉnh HT; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Xuân Đ; sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn DP, xã TC, huyện ĐT, tỉnh HT; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 9 năm 2020, bản tự khai tại hồ sơ và tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H kết hôn với anh Trần Xuân Đ trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và đăng ký kết hôn vào năm 1995 tại UBND xã ĐT (Nay xã TC), huyện ĐT, tỉnh HT. Sau khi kết hôn vợ chồng

về chung sống tại Thôn DP, xã ĐT, huyện ĐT, tỉnh HT; tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của vợ chồng không hợp, anh Đ thường xuyên chửi mắng vợ con, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Chị Trần Thị H xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 02/3/1997; Trần Thị Th, sinh ngày 20/01/1999 và Trần Hương G, sinh ngày 01/10/2013. Hai con Trần Thị Huyền Tr và Trần Thị Th đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Trần Hương G chưa đến tuổi thành niên và đang sống với mẹ nên chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Trần Xuân Đ:*

Sau khi Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án đã phối hợp với chính quyền địa phương xã TC trực tiếp đến nhà tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Xuân Đ, nhưng anh Đ không hợp tác, không ký nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc, trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn anh Trần Xuân Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh Trần Xuân Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Xuân Đ.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 02/3/1997; Trần Thị Th, sinh ngày 20/01/1999 và Trần Hương G, sinh ngày 01/10/2013. Hiện nay hai con Trần Thị Huyền Tr và Trần Thị Th đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Giao con chung Trần Hương G cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H không yêu cầu anh Trần Xuân Đ cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:* Đây là quan hệ tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữa nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Trần Xuân Đ; đều trú tại Thôn DP, xã TC, huyện ĐT, tỉnh HT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh HT đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh Trần Xuân Đ không có mặt tại Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Ngày 18 tháng 12 năm 2020 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn anh Trần Xuân Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Xuân Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Trần Xuân Đ.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị H kết hôn với anh Trần Xuân Đ trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị lừa dối hay ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT (Nay xã TC), huyện ĐT, tỉnh HT vào năm 1995. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị H và anh Đ do UBND xã TC, huyện ĐT cấp và chị H giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX xác định hôn nhân như vậy là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn DP, xã ĐT vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị H đã bỏ nhà đi làm ăn thỉnh thoảng mới về địa phương. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Xuân Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ đều vắng mặt chứng tỏ anh Đ không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Trong quá trình chung sống vợ chồng không tôn trọng và thiếu sự quan tâm chăm sóc nhau, đến tháng 9 năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên chị H đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Trần Thị H ly hôn anh Trần Xuân Đ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hợp lý.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng*: Vợ chồng có ba con chung là Trần Thị Huyền Tr, sinh ngày 02/3/1997; Trần Thị Th, sinh ngày 20/01/1999 và Trần Hương G, sinh ngày 01/10/2013. Hai con Trần Thị Huyền Tr và Trần Thị Th đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay cháu G do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định. Mặt khác, nguyện vọng của cháu G sau khi bố mẹ ly hôn là được ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, còn anh Trần Xuân Đ vắng mặt. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu G nên giao cháu G cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con đến khi con đủ 18 tuổi là có cơ sở theo quy định tại Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị H và anh Trần Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm b khoản 20 Điều 227, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Khoản 1, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1.** Chấp nhận cho chị Trần Thị H ly hôn anh Trần Xuân Đ.

**2.** Giao con chung Trần Hương G, sinh ngày 01/10/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Trần Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

**3.** Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0006084 ngày 26/10/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

**4.** Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Xuân Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKS huyện Đức Thọ;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Tùng Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Trọng**